

Số: 75 /2026/QĐ-UBND

An Giang, ngày 27 tháng 07 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 07 tháng 8 năm 2026.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 27 tháng 07 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

b) Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VB và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (03 bản);
- Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh An Giang;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, P. KT;
- Trung tâm công báo - Tin học;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, tbtri.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Công Thức

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu
tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 75...../2026/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 07 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám, biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh An Giang (sau đây gọi chung là dữ liệu tài nguyên và môi trường); trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có hoạt động thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 4. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Chương II

THU THẬP, QUẢN LÝ, KHAI THÁC, CHIA SẺ VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 5. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Các nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 6. Kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được thu thập

1. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá, xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tuân thủ theo các quy định, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (gọi chung là cấp xã) có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã.

Điều 7. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Văn phòng đăng ký đất đai được giao quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm:

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Lập kế hoạch và thu nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Điều 10 và Điều 11 Thông tư 03/2022/TT-BTNMT.

3. Thực hiện việc sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Có giải pháp, cơ chế đảm bảo phục hồi thông tin, dữ liệu trong trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy hoặc do các hành vi trái phép xâm nhập đánh cắp dữ liệu.

Điều 8. Bảo quản, lưu trữ, tu bổ và bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Bảo quản, lưu trữ, tu bổ thông tin, dữ liệu

a) Việc lưu trữ, bảo quản và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm tạo ra các điều kiện tốt nhất để bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ cho tài liệu, phục vụ tốt các yêu cầu khai thác, sử dụng tài liệu.

b) Việc tiêu hủy tài liệu thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hết giá trị phải tuân theo các quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

c) Văn phòng đăng ký đất đai được Sở Nông nghiệp và Môi trường giao quản lý và sử dụng dữ liệu đất đai, có trách nhiệm cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin. Phối hợp với Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường phân công Văn phòng đăng ký đất đai làm nhiệm vụ bảo đảm an toàn cơ sở dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu.

Điều 9. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được phép khai thác, sử dụng và phải nộp phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

2. Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP và đảm bảo các nguyên tắc quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 10. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh; giữa các Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trên nguyên tắc:

a) Kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

c) Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu được thông suốt, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

2. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý với các bộ, ngành và địa phương khác theo quy định.

Điều 11. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường do Nhà nước quản lý được ngân sách nhà nước đảm bảo và nguồn thu hợp pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật. Hàng năm, Ủy ban nhân dân các cấp bố trí kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giao các đơn vị thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ và theo phân cấp ngân sách nhà nước.

2. Phí khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 12. Thẩm quyền cung cấp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Thẩm quyền cung cấp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường dựa vào độ mật của tài liệu và được thực hiện theo Điều 11, Điều 15 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15, cụ thể:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường độ Tuyệt mật, Tối mật.

2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cho phép cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường độ Mật.

3. Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai cho phép cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường ngoài các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì, có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của địa phương:

a) Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh theo quy định; tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường của tỉnh và tổ chức công bố trên trang tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cổng thông tin điện tử tỉnh; xây dựng vận hành cơ sở dữ liệu phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trong tỉnh với các tỉnh, thành phố và các bộ, ngành;

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định pháp luật;

d) Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai thu thập, lưu trữ, quản lý, sử dụng và bảo quản cung cấp thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường; hàng năm xây dựng kế hoạch chỉnh lý hồ sơ, tài liệu dạng giấy, quét số hóa vào phần mềm “kho lưu trữ” để xây dựng cơ sở dữ liệu ngành một cách có hệ thống, khoa học nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh;

đ) Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai tổ chức khai thác, cung cấp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường phục vụ quản lý nhà nước theo đúng quy định; phục vụ công tác giải quyết thanh tra, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tài nguyên môi trường; các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo, nâng cao dân trí trên địa bàn tỉnh; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trong lĩnh vực phụ trách.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh;

b) Chỉ đạo Phòng Kinh tế; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Phòng Nông nghiệp và Môi trường thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn xã, phường, đặc khu; cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Văn phòng đăng ký đất đai.

4. Tổ chức, cá nhân có liên quan.

a) Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo nguyên tắc quy định khoản 1 Điều 5 của Quy chế này. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho việc thu nhận, tạo lập và cung cấp, chia sẻ, hiến tặng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho cơ quan nhà nước góp phần bảo vệ chủ quyền quốc gia, phục vụ lợi ích chung của xã hội và đúng quy định của pháp luật;

b) Trách nhiệm tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định 73/2017/NĐ-CP.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.